

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1491/2025/DS-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Duy Hiếu

2/ Bà: Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Quang Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thụ lý số 2225/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn A

Địa chỉ: 266 – 268 CDE, phường F (phường G, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà B

Địa chỉ: 169 XYZ, phường M (phường N, quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, các biên bản của Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/10/2022, Bà B có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

- Ngày hiệu lực hợp đồng: 11/10/2023
- Loại thẻ: Visa

- Số thẻ: 472074 – 0556
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng
- Lãi suất thẻ: 2.766%/tháng (Lãi suất trong hạn)

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 126,279,400 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77,679,437 (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 54,947,217 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 24/10/2025, Bà B còn nợ các khoản như sau:

- Ngày chuyển nợ quá hạn: 11/10/2023
- Dư nợ gốc: 54.947.217 đồng
- Lãi quá hạn: 56.614.040 đồng
- Lãi suất quá hạn: 4.15 (2.766% x 150%)
- **Tổng dư nợ: 111.561.257 đồng**

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà B, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Bà B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn A đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc Bà B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2025 là 105,025,945 đồng (Một trăm linh năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó:

- + Nợ gốc: 54,947,217 đồng
- + Lãi quá hạn: 56,614,040 đồng
- + Tổng dư nợ: 111, 561,257 đồng.

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là bà B trình bày: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập các văn bản tố tụng, xét xử nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Ngân hàng TMCP Sài Gòn A đã nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý số 2225/2024/TLST-DS ngày 11/11/2024 là đúng quy định tại Điều 146 và Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án thụ lý ngày 11/11/2024, đến ngày 05/09/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2025/QĐXXST-DS là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 5 giải quyết:

- Buộc bà B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2025 là 111,561,257 đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 54,947,217 đồng

- Lãi quá hạn: 56,614,040 đồng

Tổng cộng: 111,561,257 đồng

Và bà B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã thụ lý vụ án số 2225/2024/TLST-DS ngày 11/11/2024.

* Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến 24/10/2025 là 111,561,257 đồng:

- Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/10/2022 có chữ ký của Bà B thì có cơ sở xác định Bà B có ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn A số tiền 111,561,257 đồng (trong đó tổng nợ gốc: 54.947.217 đồng; nợ lãi quá hạn: 56,614,040 đồng) từ hợp đồng trên.

Xét thấy hợp đồng này được ký kết dựa trên sự thỏa thuận của các bên, phù hợp luật định nên có hiệu lực vi phạm các bên tham gia ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/10/2022 có cơ sở xác định bà B đã nhận nợ số tiền 111,561,257 đồng.

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà phải trả số tiền nợ 111,561,257 đồng (trong đó tổng nợ gốc: 54.947.217 đồng; nợ lãi quá hạn: 56,614,040 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TMCP Sài Gòn A đã tính lãi quá hạn đối với khoản nợ của bà B là phù hợp quy định tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà bà B đã ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn A.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản lãi tạm tính đến ngày 24/10/2025 gồm: nợ lãi quá hạn là 56,614,040 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 385, Điều 401, Điều 402, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn A, buộc bị đơn bà B thanh toán cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/10/2025 cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 54.947.217 đồng;
- Lãi quá hạn: 56,614,040 đồng;
- Tổng cộng: 111,561,257 đồng.

Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

* Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

III. YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC VI PHẠM: Không

Từ những phân tích về việc chấp hành pháp luật tố tụng, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Thẩm phán khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp; về nơi cư trú của bị đơn, Tòa án xác minh hiện bị đơn cư trú tại số 169 XYZ, tại Phường N, quận H (nay là phường M), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn là bà B đã được Tòa án triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng của

Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 30/9/2025 và ngày 24/10/2025 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ tính đến ngày 24/10/2025 là 111,561,257 đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng:

[3.1] Các bên tham gia ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân vào ngày 11/10/2022. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Xét thấy hợp đồng này được ký kết dựa trên sự thỏa thuận của các bên, phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực giữa các bên tham gia ký kết buộc các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

[3.2] Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 11/10/2022, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 126,279,400 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, căn cứ theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Bà B phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77,679,437 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng ký ngày 11/10/2022 có chữ ký của bà B nên có cơ sở xác định bà B đã nhận nợ số tiền 111,561,257 đồng. Từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tuy nhiên, bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cụ thể là đã không trả đủ số tiền đã vay.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 11/10/2022, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 126,279,400 đồng và Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 77,679,437 đồng

[3.3] Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán căn cứ theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 10/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 54,947,217 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được

công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Ngân hàng yêu cầu Bà B trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/10/2025 là 111,561,257 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 54,947,217 đồng

- Lãi quá hạn: 56,614,040 đồng

[3.4] Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”; Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tổng số tiền bà B phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/10/2025 là 111,561,257 đồng. Bị đơn tiếp tục có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.578.062,85 đồng. Nguyên đơn được hoàn tiền tạm ứng án phí.

[5] Đối với phần phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng, phân tích đúng nội dung của vụ án. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 299 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn A.

1.1/ Buộc bà B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn A số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/10/2025 là 111,561,257 đồng (*Một trăm mười một triệu năm trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*), bao gồm:

- Nợ gốc: 54,947,217 đồng

- Lãi quá hạn: 56,614,040 đồng

1.2/ Bà B phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn A tiền lãi theo lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

2/ Án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.578.063 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.883.000 đồng, theo biên lai thu số 0029443 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành dân sự quận Bình Thạnh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND TP.HCM;
- VKSND KV5;
- Phòng THADS KV5
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Khả